

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1
- CÔNG TY CP**

Số: **0387** /TCT-QHCD
V/v: Công bố thông tin định kỳ
trên cổng thông tin điện tử của
UBCKNN.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **10** tháng 5 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP**

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 024.38350930

Fax: 024.37721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Thanh

Địa chỉ: Số 19, Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0943415899 – 024.38350933

Fax: 024.37721232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính năm 2017.

(Có chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông lớn;
- HĐQT TCT;
- BKS TCT;
- Ban TGĐ;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Thanh

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 41

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 05 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28/04/2017	
Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		13/01/2017
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị		21/12/2017
Ông Đinh Văn Thanh	Ủy viên		
Ông Đinh Ngọc Dân	Ủy viên	07/03/2018	
Ông Nguyễn Huy Khôi	Ủy viên	28/04/2017	
Ông Đào Việt Tiến	Ủy viên		
Ban Kiểm soát			
Ông Võ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát	28/04/2017	
Ông Đặng Mạnh Thuyền	Thành viên	28/04/2017	
Bà Nguyễn Thị Thương	Thành viên	28/04/2017	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc		
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Đinh Ngọc Dân	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc		07/06/2017

Kế toán trưởng

Ông Lê Văn Long	Kế toán trưởng	05/04/2018	
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng	25/09/2017	05/04/2018
Ông Lê Văn Long	Kế toán trưởng	04/05/2017	25/09/2017
Ông Võ Thành Công	Kế toán trưởng		04/05/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào, ngoài các sự kiện trình bày dưới đây, phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Nghị quyết số 0208/NQĐHĐCĐBT ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2018.

Quyết định số 066/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 04 năm 2018 về việc "Miễn nhiệm Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng Tổng Công ty" đối với Ông Nguyễn Văn Trung và Quyết định số 068/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 04 năm 2018 về việc "Bổ nhiệm Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng Tổng Công ty" đối với Ông Lê Văn Lương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc. *th*



Dinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2018

Số: 505/2018/BCKT-BCTCIEN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP, được lập ngày 05 tháng 05 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 cho mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty.

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của các Công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được số liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính các Công ty liên kết của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

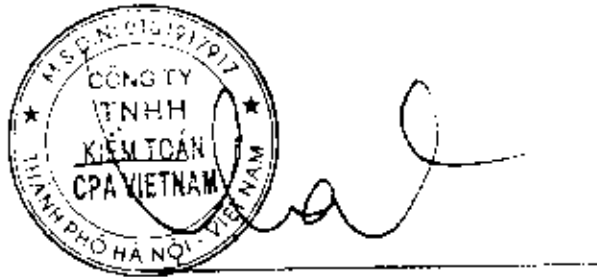
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn sẽ được chuyển đổi mục đích đầu tư theo Nghị quyết số 0271/2018/NQ-HDQT ngày 03/04/2018 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.18, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, thỏa thuận liên danh ngày 25/09/2014 về việc thi công gói thầu CW3A - Dự án xây dựng cầu Vàm Cống, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động tài chính phát sinh từ lãi chênh lệch tỷ giá có số tiền là 26.854.467.880 đồng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA. Báo cáo kiểm toán độc lập số 265/2017/UHY/ACA-BCKT phát hành ngày 12/04/2017 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
 Giấy CN ĐKTN kiểm toán số: 0147-2018-137-1
 Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2018

Nguyễn Tiến Trinh
Kiểm toán viên
 Giấy CN ĐKTN kiểm toán số: 1806-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.164.141.653.882	3.814.397.598.214
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	290.202.341.268	325.685.433.561
1. Tiền	111		260.719.061.852	275.463.544.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.483.279.416	50.221.889.257
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.480.000.000	16.205.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	12.480.000.000	16.205.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.062.455.308.617	2.501.629.596.424
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.151.624.560.777	1.631.473.783.306
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		399.526.201.394	280.881.787.510
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		259.000.000.000	247.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	288.751.562.179	404.127.757.739
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(36.447.015.733)	(61.853.732.131)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	790.072.602.167	946.612.742.698
1. Hàng tồn kho	141		790.871.364.906	947.411.505.437
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(798.762.739)	(798.762.739)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		8.931.401.830	24.264.825.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.727.048.629	3.220.062.232
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.12	2.133.889.647	5.136.820.616
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	4.070.463.554	15.907.942.683
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		570.842.299.919	678.415.677.064
I Các khoản phải thu dài hạn	210		19.095.719.649	6.177.765.014
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	19.095.719.649	6.177.765.014
II Tài sản cố định	220		99.297.825.364	169.382.257.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	90.661.897.406	156.136.132.498
- Nguyên giá	222		369.471.430.193	579.995.438.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(278.809.532.789)	(423.859.305.799)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.635.927.958	13.246.124.602
- Nguyên giá	228		9.980.028.462	15.468.389.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.344.100.504)	(2.222.265.366)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.316.874	683.865.765
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.316.874	683.865.765
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	395.536.812.354	419.978.715.323
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		123.960.946.408	161.200.229.492
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		271.575.865.946	258.778.485.831
VI Tài sản dài hạn khác	260		56.668.625.678	82.193.073.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	54.554.137.273	76.046.597.304
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.114.488.405	3.129.677.279
5. Lợi thế thương mại	269		-	3.016.799.279
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.734.983.953.801	4.492.813.275.278

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.993.580.478.895	3.672.028.757.049
I- Nợ ngắn hạn	310		2.922.034.545.518	3.529.881.566.228
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.546.897.128.126	1.705.076.621.452
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	567.824.884.164	580.101.419.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	138.398.464.166	191.399.821.168
4. Phải trả người lao động	314		43.001.820.085	75.672.012.954
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		71.336.905.871	80.996.443.649
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		443.373.500	16.267.271.825
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	287.246.626.469	368.336.366.452
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	262.349.370.825	504.717.047.340
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.446.267.160
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.535.972.312	5.868.294.559
II- Nợ dài hạn	330		71.545.933.377	142.147.190.821
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	12.807.149.582	15.535.296.183
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	52.871.622.142	108.028.207.854
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		5.867.161.653	18.583.686.784
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		741.403.474.906	820.784.518.229
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	741.403.474.906	820.784.518.229
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	100.519.210
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.928.887.793	22.693.323.260
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	2.497.187.585
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.626.144.933	43.091.407.023
- LNST chưa PP lũy kể đến cuối kì trước	421a		2.976.805.042	66.605.777.248
- LNST chưa phân phối kì này	421b		9.649.339.891	49.697.184.271
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		6.747.922.970	52.402.081.151
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.734.983.953.801	4.492.813.275.278

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Lê Văn Long

Đinh Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	1.976.088.743.392	3.451.558.592.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	19.711.508.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01-02)	10	5.16	1.976.088.743.392	3.431.847.083.732
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	1.888.629.677.667	3.227.334.677.522
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		87.459.065.725	204.512.406.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	79.820.865.348	118.096.393.523
7. Chi phí tài chính	22	5.19	5.999.654.682	61.915.177.972
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.581.988.881</i>	<i>50.673.155.823</i>
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động liên doanh, liên kết	24		(34.632.175.362)	(20.017.636.331)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	121.091.614.136	185.496.263.949
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		5.556.486.893	55.179.721.481
12. Thu nhập khác	31	5.21	34.787.933.295	40.080.316.471
13. Chi phí khác	32	5.21	27.598.919.950	20.344.013.430
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		7.189.013.345	19.736.303.041
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.745.500.238	74.916.024.522
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	7.140.612.798	18.351.343.103
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.514.388.090)	(278.404.626)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.119.275.530	56.843.086.045
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.649.339.891	49.697.184.271
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.469.935.639	7.145.901.774
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	138	647

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Lê Văn Long

Đình Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.745.500.238	74.916.024.522
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	24.096.726.915	38.145.506.242
- Các khoản dự phòng	03	(78.810.827.131)	(41.633.266.060)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(65.614.188)	8.162.208.599
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.243.288.237)	(44.304.498.672)
- Chi phí lãi vay	06	27.445.958.511	50.673.155.823
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(64.831.543.892)	85.959.130.454
- Biến động các khoản phải thu	09	40.350.935.828	176.634.487.705
- Biến động hàng tồn kho	10	58.103.151.654	115.393.565.440
- Biến động các khoản phải trả	11	43.871.117.900	(178.721.621.569)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(6.823.877.463)	6.275.257.925
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.132.761.209)	(47.594.668.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.033.053.235)	(28.778.253.337)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	16.368.795.054	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.797.607.620)	(1.380.395.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.075.157.017	127.787.502.687
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(977.255.634)	(13.883.561.509)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	3.254.199.150	2.184.205.091
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(59.135.000.000)	(197.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	69.750.023.396	7.613.679.809
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.968.753.780)	(41.228.026.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53.501.916.201	52.598.373.771
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.965.767.945	27.270.710.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	99.390.897.278	(162.444.618.058)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	466.544.336.699	813.837.132.506
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(619.107.854.358)	(714.628.524.755)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.385.628.929)	(50.169.782.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(173.949.146.588)	49.038.825.451
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(35.483.092.293)	14.381.710.080
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	325.685.433.561	311.945.632.907
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	(641.909.426)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	290.202.341.268	325.685.433.561

Người lập

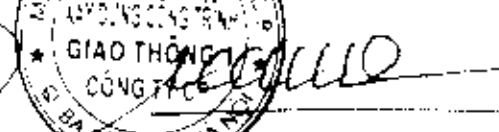
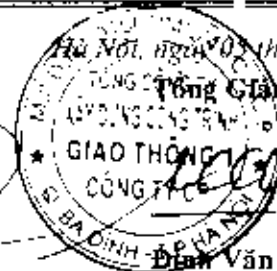


Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Văn Long

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018
 Tổng Giám đốc

 Trần Văn Thanh


TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/09/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 05 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION NOI - JSC**

Tên viết tắt là: **CIENCO1**

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 38350930 - 38350096

Fax: (84-4) 37721232

E-mail: vanphongciencol1@gmail.com

Website: <http://ciencol.com/>

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Ông Đinh Văn Thanh - Tổng Giám đốc.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.502 nhân viên.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kiểm tra và Phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thi nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình; Thi nghiệm và kiểm định vật liệu xây dựng; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thi nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát thiết kế lập luận chứng minh kinh tế kỹ thuật, tư vấn kỹ thuật các công trình giao thông và dân dụng; Tư vấn giám sát, thẩm tra thi nghiệm các công trình giao thông và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước; Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước. Thiết kế điện chiếu sáng đô thị, mạng điện xí nghiệp.
- Tư vấn quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng công trình: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2017 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Tên Công ty con			
1	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Xây dựng dân dụng	51%	51%
2	Công ty cổ phần Cầu 12	Xây dựng công trình cầu. (Tổng Công ty thoái vốn từ ngày 17/4/2017 trở thành khoản đầu tư khác)		
3	Công ty TNHH Cung ứng Lao động Quốc tế và Dịch vụ - INMASCO	Chuyển đổi từ Đơn vị phụ thuộc sang Công ty con từ ngày 01/03/2017	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Trường Trung Cấp nghề công trình 1	Chuyển đổi từ Đơn vị phụ thuộc sang Công ty con từ ngày 01/07/2017 theo Nghị quyết số 0313/2017/NQ-HDQT	100%	100%

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị phụ thuộc
1	Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông 1 - Công ty CP
2	Công ty thi công cơ giới 1
3	Công ty Xây dựng 123
4	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cienco 1
5	Xí nghiệp Cầu 17
6	Xí nghiệp Cầu 18
7	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Tây Nguyên

Chi nhánh Tây Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh theo Nghị quyết số 060/2018/NQ-HDQT ngày 17/01/2018.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	21%	21%
2	Công ty cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	25%	25%
3	Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	Xây dựng đường bộ	48%	48%
4	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	Sản xuất vật liệu xây dựng	49%	49%
5	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	Xây dựng đường bộ	48%	48%
6	Công ty cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	Xây dựng công trình giao thông	45%	45%
7	Công ty cổ phần BOT Cầu Việt Trì	Thu giá phí cầu Việt Trì	22,81%	22,81%
8	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Thu giá phí cầu Cổ Chiên	26%	26%
9	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	Xây dựng dân dụng	44%	44%
10	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	55%	55%
11	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Thu giá phí tuyến đường tránh Phú Lý	25%	25%
12	Công ty cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	33%	33%

Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 là 54,70%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này trên khoản mục đầu tư vào công ty liên kết.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 trên cơ sở áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...); Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tại ngày 31/12/2017.

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...); Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Tổng Công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Việc đối chiếu nợ phải thu, theo dõi phân tích tuổi nợ để làm cơ sở ước tính giá trị cần trích lập dự phòng được Tổng Công ty thực hiện tại thời điểm cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy tính: Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước bao gồm khoản phải trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian trên 01 năm, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định của kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Tổng Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Tổng Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng:

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa, ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành).
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/11N

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	17.287.962.865	16.047.059.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	243.431.098.987	259.416.484.897
Tương đương tiền	29.483.279.416	50.221.889.257
Tổng	290.202.341.268	325.685.433.561

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	12.480.000.000	16.205.000.000
Tổng	12.480.000.000	16.205.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.151.624.560.777	1.631.473.783.306
Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	136.863.567.000	136.863.567.000
Công ty liên danh GS - Hanshin	77.376.369.446	113.196.480.652
Ban quản lý dự án 2:		
Gói thầu PK1C/Quốc lộ 3	68.734.347.853	109.656.747.511
Khu quản lý giao thông đô thị số 2	-	78.056.416.364
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam	59.884.180.318	58.737.192.126
BQL Dự án Xây dựng giao thông Bắc Ninh - cầu vượt sông Đuống	-	34.309.309.001
Các công trình và đối tượng khác	808.766.096.160	1.100.654.070.652
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	1.151.624.560.777	1.631.473.783.306

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.4 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	288.751.562.179	-	404.127.757.739	-
- Phải thu về cổ phần hóa	3.073.620.201	-	4.807.075.831	-
- Phải thu người lao động	10.464.257.270	-	12.674.837.847	-
- Tạm ứng	163.177.419.050	-	180.431.191.367	-
- Ký cược, ký quỹ	2.687.500.579	-	26.552.323.978	-
- Phải thu khác	109.348.765.079	-	179.662.328.716	-
b) Dài hạn	19.095.719.649	-	6.177.765.014	-
- Ký cược, ký quỹ	19.095.719.649	-	6.177.765.014	-
Tổng	307.847.281.828	-	410.305.522.753	-

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.531.166.233	-	33.472.973.476	-
Công cụ, dụng cụ	255.212.993	-	1.149.295.008	-
Chi phí SX KDDĐ	773.084.985.680	798.762.739	912.458.142.265	798.762.739
Thành phẩm	-	-	331.094.688	-
Tổng	790.871.364.906	798.762.739	947.411.505.437	798.762.739

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.727.048.629	3.220.062.232
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.727.048.629	2.349.600.988
- Các khoản khác	-	870.461.244
b) Dài hạn	54.554.137.273	76.046.597.304
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.710.289.021	67.721.057.172
- Các khoản khác	7.843.848.252	8.325.540.132
Tổng	57.281.185.902	79.266.659.536

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	135.085.373.546	357.967.723.181	77.106.478.332	7.602.507.323	2.233.355.915	579.995.438.297
Tăng trong năm	5.507.463.105	4.490.259.975	4.441.033.061	351.300.580	-	14.790.056.721
Mua trong năm	36.000.000	1.101.301.089	227.272.727	85.000.000	-	1.449.573.816
Sát nhập Công ty con	5.471.463.105	3.388.958.886	4.213.760.334	266.300.580	-	13.340.482.905
Giảm trong năm	23.229.166.075	168.839.555.196	29.502.623.726	3.452.724.571	289.995.255	225.314.064.823
Thanh lý nhượng bán	4.727.642.016	2.653.958.198	7.142.328.181	-	99.495.454	14.623.423.849
Đơn vị phụ thuộc chuyển thành Công ty	9.216.732.295	4.465.410.671	12.733.311.152	455.937.994	-	26.871.392.112
Theo dõi Công ty con	9.284.791.764	161.730.186.327	9.626.984.393	2.996.786.577	190.499.801	183.819.248.862
Số dư tại 31/12/2017	117.363.670.576	193.618.427.960	52.044.887.667	4.501.083.332	1.943.360.660	369.471.430.195
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	78.890.089.606	274.872.119.282	61.740.558.574	6.539.831.322	1.816.707.015	423.859.305.799
Tăng trong năm	5.183.684.336	12.608.378.324	6.456.727.244	434.971.984	210.611.444	24.894.373.332
Khấu hao trong năm	5.183.684.336	12.608.378.324	5.536.099.749	318.303.216	210.611.444	23.857.077.069
Sát nhập Công ty con	-	-	920.627.495	116.668.768	-	1.037.296.263
Giảm trong năm	17.637.567.073	123.291.586.390	25.906.688.283	2.854.639.629	253.664.967	169.944.146.342
Thanh lý nhượng bán	1.495.810.924	2.653.958.198	7.142.328.181	-	99.495.454	11.391.592.757
Thoái vốn Công ty con	6.971.618.023	116.395.564.681	5.412.372.264	2.401.973.994	154.169.513	131.235.698.475
Đơn vị phụ thuộc chuyển thành Công ty	9.170.138.126	4.342.063.511	13.351.987.838	452.665.635	-	27.316.855.110
Số dư tại 31/12/2017	66.436.206.869	164.188.911.216	42.290.597.535	4.120.163.677	1.773.653.492	278.809.532.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	56.195.283.940	83.095.603.899	15.365.919.758	1.062.676.001	416.648.900	156.136.132.498
Tại ngày 31/12/2017	50.927.463.707	29.429.516.744	9.754.290.132	380.919.655	169.707.168	90.661.897.406

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	4.800.107.506	688.254.000	5.488.361.506
Thanh lý, nhượng bán	3.203.520.000	-	3.203.520.000
Thoái vốn Công ty con	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
Số dư tại 31/12/2017	9.910.028.462	70.000.000	9.980.028.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	1.464.011.366	758.254.000	2.222.265.366
Tăng trong năm	239.649.846	-	239.649.846
Khấu hao trong năm	239.649.846	-	239.649.846
Giảm trong năm	429.560.708	688.254.000	1.117.814.708
Thanh lý, nhượng bán	206.805.013	-	206.805.013
Thoái vốn Công ty con	222.755.695	688.254.000	911.009.695
Số dư tại 31/12/2017	1.274.100.504	70.000.000	1.344.100.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	13.246.124.602	-	13.246.124.602
Tại ngày 31/12/2017	8.635.927.958	-	8.635.927.958

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2017		31/12/2017		01/01/2017			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Gia gốc	Gia trị theo phương pháp VCSH	Gia gốc	Gia trị theo phương pháp VCSH	Chênh lệch	Chênh lệch
Công ty Liên doanh			197.103.483.665	123.960.946.408	262.138.815.519	161.200.229.492	(100.938.586.027)	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư XDCT 111	54,70%	54,70%	2.775.727.287	5.327.472.898	2.770.727.287	2.303.101.055	(469.724.233)	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	49,00%	49,00%	-	-	4.900.000.000	-	(4.900.000.000)	
Công ty Đầu tư và Xây dựng 125	49,00%	49,00%	1.315.000.000	-	1.315.000.000	-	(1.315.000.000)	
Công ty Cổ phần XD Giao thông & TM 124	48,00%	48,00%	7.200.000.000	-	7.200.000.000	-	(7.200.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư & XDCT 128 - Cienco 1	48,00%	48,00%	6.214.309.449	5.983.077.045	6.214.309.449	5.987.377.045	(227.232.404)	
Công ty Cổ phần XDCT 15 - Cienco1	45,00%	45,00%	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-	(4.500.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco1 (CTC)	44,34%	44,34%	2.350.000.000	1.523.348.718	2.350.000.000	1.523.348.718	(826.651.282)	
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	26,00%	26,00%	40.400.000.000	37.968.565.090	49.430.000.000	46.660.412.959	(1.769.587.041)	
Công ty Cổ phần SXVL và XDCT 119 - Cienco1	25,40%	25,40%	586.812.929	-	586.812.929	-	(586.812.929)	
Công ty Cổ phần PT 31 và XD 115 - Cienco1	23,00%	23,00%	1.263.234.000	744.919.079	1.263.234.000	744.919.079	(518.314.921)	
Công ty Cổ phần B&E Cầu Việt Trì	22,81%	20,00%	48.532.400.000	16.083.930.300	48.532.400.000	40.077.454.832	(118.454.945.168)	
Công ty Cổ phần TV Đầu tư và XD Việt Nam	20,00%	20,00%	-	-	2.641.303.164	2.917.220.150	275.916.986	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng ĐCT	23,00%	25,10%	70.300.000.000	60.442.352.369	70.050.000.000	30.040.482.947	40.481.947	
Công ty Cổ phần SXVL & XD công nghiệp 1	32,96%	32,96%	2.571.000.000	918.279.809	2.571.000.000	916.279.808	(1.654.720.192)	
Công ty Cổ phần Xi măng Mui Sơn	-	-	-	-	57.494.028.430	-	(57.494.028.430)	
Đầu tư khác			271.575.265.946	60.442.352.369	258.778.485.831	-	(100.938.586.027)	
Công ty Cổ phần Cầu 72	19,6%	19,6%	11.175.375.000	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	18,0%	18,0%	148.172.580.000	-	-	-	-	
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hóa	15,4%	15,4%	21.050.000.000	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần BOT Cầu Hạch Đăng	10,0%	10,0%	85.500.000.000	-	85.500.000.000	-	-	
Công ty Cổ phần DT & XD Hạ tầng Anphương	3,4%	3,4%	4.025.905.831	-	4.025.905.831	-	-	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hoàng Long	-	-	10.000.000	-	10.000.000	-	-	
Công ty Cổ phần Giao thông Việt sư Việt Nam	-	-	20.000.000	-	20.000.000	-	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Việt Nam	-	-	1.622.105.019	-	20.000.000	-	-	
Tổng			468.679.349.611	123.960.946.408	520.917.301.350	161.200.229.492	(100.938.586.027)	

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	1.546.897.128.126	1.546.897.128.126	1.705.076.621.452	1.705.076.621.452
Công ty Cổ phần				
Xây dựng Dịch vụ & Thương mại 68 Công ty TNHH Petrolimex Việt Nam	39.558.099.650	39.558.099.650	40.695.721.567	40.695.721.567
Công ty TNHH Thương mại Thành An	15.772.631.578	15.772.631.578	14.195.741.678	14.195.741.678
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Hà Ninh	10.851.002.200	10.851.002.200	13.351.002.200	13.351.002.200
Các đối tượng khác	3.910.410.455	3.910.410.455	12.802.588.286	12.802.588.286
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.546.897.128.126	1.546.897.128.126	1.705.076.621.452	1.705.076.621.452

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	567.824.884.164	580.101.419.669
Ban Quản lý Công trình Xây dựng Phát triển đô thị - Hoàng Văn Thụ Công ty TNHH MTV Đầu tư BOT Tp. HCM - Trung Lương	378.257.384.000	-
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh PMU Ban QLDA Tuyên Quang - Cầu Tĩnh Húc	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	25.595.433.811	69.224.663.900
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	35.562.925.000	67.455.278.058
Công ty Cổ phần BOT đường tránh Thanh Hoá	-	23.796.927.000
Đối tượng khác	1.878.009.000	419.624.550.705
b) Dài hạn	-	-
Tổng	567.824.884.164	580.101.419.669

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	31/12/2017
Phải nộp	191.399.821.168	195.381.169.219	248.382.526.221	138.398.464.166
Thuế GTGT	154.622.891.319	182.848.525.971	229.424.812.633	108.046.604.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.644.282.777	5.792.910.898	11.768.151.715	15.669.041.960
Thuế thu nhập cá nhân	3.855.456.492	653.121.780	1.997.897.972	2.510.680.300
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.894.673.779	577.096.280	94.208.000	3.377.562.059
Các loại thuế khác	4.601.327.145	3.819.925.388	4.385.241.467	4.036.011.066
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.781.189.656	1.689.588.902	712.214.434	4.758.564.124
Phải thu	21.044.763.299	69.810.377.127	84.650.787.225	6.204.353.201
Thuế GTGT được khấu trừ	5.136.820.616	68.944.924.858	71.947.855.827	2.133.889.647
Thuế GTGT được hoàn	15.905.905.381	-	12.700.894.096	3.205.011.285
Các khoản khác phải thu nhà nước	2.037.302	865.452.269	2.037.302	865.452.269

Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền do việc áp dụng Luật quản lý thuế và các quy định về thuế đối chiếu với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể khác nhau. Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty có thể thay đổi theo các quyết định của cơ quan thuế và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5.13 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	287.246.626.469	368.336.366.452
Kinh phí công đoàn	2.641.475.250	2.619.987.684
BHXH, BHYT, BHTN	63.895.152.131	61.596.453.438
Phải trả về cổ phần hoá	-	29.165.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.322.836.450	15.705.297.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	191.387.162.638	288.385.462.630
b) Dài hạn	12.807.149.582	15.535.296.183
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.807.149.582	15.535.296.183
Tổng	300.053.776.051	383.871.662.635
Chi tiết khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả xây dựng khách sạn Sơn La	63.835.416.156	63.835.416.156
Cầu Sê Kông - Lào	-	12.657.654.899
Công ty Licogi 13	26.000.000.000	24.000.000.000
Phải trả khác	101.551.746.482	187.892.391.575
Tổng	191.387.162.638	288.385.462.630

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN/11N

5.14 Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm			Trong năm			Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
	262.349.370.825	262.349.370.825	517.961.710.928	760.329.387.443	504.717.047.340	504.717.047.340			
a) Vay ngắn hạn									
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	14.841.550.440	14.841.550.440	23.019.371.581	21.644.810.606	13.466.989.465	13.466.989.465			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	38.777.481.382	38.777.481.382	92.722.191.910	155.699.344.892	101.754.634.364	101.754.634.364			
Ngân hàng TMCP Quân Đội	48.251.092.400	48.251.092.400	60.963.195.000	152.350.978.697	139.638.876.097	139.638.876.097			
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	8.115.030.710	8.115.030.710	81.864.270.266	135.812.684.219	62.063.414.663	62.063.414.663			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	-	25.010.898.605	25.010.898.605	25.010.898.605			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	18.242.546.577	18.242.546.577	64.934.767.282	106.833.534.440	60.141.313.735	60.141.313.735			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	86.017.057.103	86.017.057.103	141.528.543.255	55.511.486.152	-	-			
Vay cá nhân	4.811.223.644	4.811.223.644	5.045.745.177	4.879.548.366	4.645.026.833	4.645.026.833			
Vay dài hạn đến hạn trả									
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	-	2.347.560.000	2.347.560.000	2.347.560.000			
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000			
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	4.590.237.888	71.450.152.896	66.859.915.008	66.859.915.008			
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	39.354.608.569	39.354.608.569	39.354.608.569	24.849.608.570	24.849.608.570	24.849.608.570			
b) Vay dài hạn	52.871.622.142	52.871.622.142	1	55.156.585.713	108.028.207.854	108.028.207.854			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	-	-	2.347.560.000	2.347.560.000	2.347.560.000			
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.815.405.000	2.815.405.000	-	27.802.417.144	30.617.822.144	30.617.822.144			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	357.000.000	357.000.000	-	157.000.000	514.000.000	514.000.000			
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	49.699.217.142	49.699.217.142	1	24.849.608.569	74.548.825.710	74.548.825.710			
Tổng	315.220.992.967	315.220.992.967	517.961.710.929	815.485.973.156	612.745.255.194	612.745.255.194			

TÓNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN/TN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn

Hợp đồng tín dụng số 01/201626151/HĐHĐHM ngày 28/01/2016 được ký kết giữa Tổng Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở Thư tín dụng (L/C). Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng 28/01/2016. Lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng kỳ.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 1379.14.1396960.TD ngày 24/9/2014 được ký kết giữa Tổng Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu CW3A - Dự án xây dựng cầu Vàm Cống. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng; thời hạn cụ thể được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giao ngân.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 651053/HĐHĐHM2016 ngày 23/03/2016. Hạn mức cho vay: 300.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 23/03/2016. Mục đích vay: tài trợ cho các hoạt động xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
- Hợp đồng tín dụng số 948735-2016/HĐHM/VPB-MCC.1 ngày 23/3/2016 được ký kết giữa Tổng Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính với mục đích bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu XL05: xây dựng cầu Sông Chanh thuộc dự án: đường nối Hạ Long với cầu Bạch Đằng. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng; thời hạn cụ thể được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất áp dụng, phương thức điều chỉnh lãi suất sẽ được ghi nhận cụ thể trong các Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 135/2016/HĐHĐ/HHT/01 ngày 09/03/2017 hạn mức tối đa 700.000.000.000 đồng. Mục đích Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thi công xây dựng các công trình giao thông. Thời hạn 12 tháng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

- Hợp đồng tín dụng số 672/2016-HĐHĐ/NHCT124-CIENCO1 ngày 28/12/2016 hạn mức tối đa 251.000.000.000 đồng. Mục đích Bổ sung vốn lưu động thực hiện dự Hợp đồng 21/16/HD-TCXDCT/BOTCBĐ-CIENCO1 ngày 29/03/2016 giữa Tổng Công ty và Công ty CP HOT Cầu Bạch Đằng. Thời hạn cho vay không quá 09 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 01/2013/HDDTDH-PS/SHB.HN-BT ngày 08/10/2013. Hạn mức cho vay: 3.033.000.000 đồng. Mục đích vay: mua 02 máy LuKung Sakai theo hợp đồng kinh tế số 0637/VTV-CC.C1 ký ngày 01/07/2013 giữa Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 với Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 080113/SHB-BT – CIENCO1 ngày 08/01/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HDDTDH-PS/SHB.HN-BT ngày 14/11/2013. Hạn mức cho vay: 8.704.800.000 đồng. Mục đích vay: mua 06 máy lu rung model CA250D hãng DYNAPAC sản xuất theo hợp đồng kinh tế số 0812/HBK1 ngày 28/08/2013 cùng phụ lục hợp đồng ngày 29/08/2013 ký giữa Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 với Tổng Công ty TNHH Dầu tư Thương mại V Long. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 06 máy lu rung một trống đảm nhận hiệu DYNAPAC model CA250D do Ấn Độ sản xuất.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô theo hợp đồng tín dụng số 12215/360/IDLIH ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh để thực hiện Gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án "Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, Tỉnh Cà Mau". Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ phát sinh theo hợp đồng số 175/2015/IDDTC ký ngày 03/08/2015 gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, Tỉnh Cà Mau giữa Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh với Liên danh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quán đội theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 597.14.057.877888.ID ngày 26/06/2014. Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: là tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mới.
- Hợp đồng số 808.14.057.877888.ID ngày 22/08/2014. Hạn mức cho vay: 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: là tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mới.
- Hợp đồng số 969.14.057.877888.TD ngày 26/09/2014. Hạn mức cho vay: 1.113.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy lu rung nhãn hiệu HAMM, model 3410 do Đức sản xuất, giá trị 1.590.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU: B 09-DN/HN

5.14 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Vay dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng số 982.14.057.877888.TD ngày 29/09/2014, Hạn mức cho vay: 616.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy xúc lật nhãn hiệu KOMATSU, model WA 270-3 do Nhật Bản sản xuất, giá trị 880.000.000 đồng.
- Hợp đồng số 1015.14.057.877888.TD ngày 08/10/2014. Hạn mức cho vay: 1.350.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy chứng nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 lu rung 1 bánh sắt, 2 bánh lốp, 2 cầu chủ động nhãn hiệu SAKAI, model SV 620D do Nhật Bản sản xuất, giá trị 1.900.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃC B 09-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	700.000.000.000	100.519.210	13.247.055.412	2.175.365.531	72.604.419.857	54.624.684.127	842.752.044.137
Tăng trong năm	-	-	9.494.395.082	321.822.054	49.745.311.505	7.145.901.774	66.707.430.415
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	49.697.184.271	7.145.901.774	56.843.086.045
Phân phối lợi nhuận	-	-	9.494.395.082	321.822.054	-	-	9.816.217.136
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	48.127.234	-	48.127.234
Giảm trong năm	-	-	48.127.234	-	79.258.324.339	9.368.504.750	88.674.956.323
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.189.804.337	942.569.731	17.132.374.068
Chia cổ tức	-	-	-	-	63.060.000.000	2.875.080.000	65.935.080.000
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	48.127.234	-	-	5.550.855.019	5.598.982.253
Giảm khác	-	-	-	-	68.520.002	-	68.520.002
Số dư tại 31/12/2016	700.000.000.000	100.519.210	22.693.323.260	2.497.187.585	43.091.407.023	52.402.081.151	820.784.518.229
Số dư tại 01/01/2017	700.000.000.000	100.519.210	22.693.323.260	2.497.187.585	43.091.407.023	52.402.081.151	820.784.518.229
Tăng trong năm	-	-	4.309.140.702	-	10.998.448.963	1.469.935.639	16.777.525.304
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.649.339.891	1.469.935.639	11.119.275.530
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.309.140.702	-	-	-	4.309.140.702
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	1.349.109.072	-	1.349.109.072
Giảm trong năm	-	-	5.073.576.169	2.497.187.585	41.463.711.053	47.124.093.820	96.158.568.627
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	5.073.576.169	2.497.187.585	-	47.124.093.820	54.694.857.574
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	6.463.711.053	-	6.463.711.053
Chia cổ tức	-	-	-	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Số dư tại 31/12/2017	700.000.000.000	100.519.210	21.928.887.793	-	12.626.144.933	6.747.922.970	741.403.474.906

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần An Hiền	172.135.520.000	172.135.520.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	69.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	117.676.940.000	117.676.940.000
Công ty Cổ phần Thương Mại nước giải khát Khánh An	134.477.000.000	49.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Yên Khánh	200.035.340.000	200.035.340.000
Cổ đông khác	75.675.200.000	91.252.200.000
Tổng	700.000.000.000	700.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.000.000.000	63.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	21.928.887.793	22.693.323.260
Tổng	21.928.887.793	25.190.510.845

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/BN

5.16 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu	1.976.088.743.392	3.451.558.592.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.151.435.139	13.550.166.455
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.938.637.575.716	3.381.616.298.776
Doanh thu khác	16.299.732.537	56.392.127.137
Tổng	1.976.088.743.392	3.451.558.592.368
- Giảm giá hàng bán	-	19.711.508.636
Doanh thu thuần	1.976.088.743.392	3.431.847.083.732

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.289.748.313	2.150.812.242
Giá vốn xây lắp	1.872.838.229.059	3.184.807.729.148
Giá vốn dịch vụ khác	9.501.700.295	40.376.136.132
Tổng	1.888.629.677.667	3.227.334.677.522

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.707.193.412	10.813.067.125
Lãi bán các khoản đầu tư	2.351.603.580	19.007.507.607
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.486.422.025	16.412.289.488
Lãi chênh lệch tỷ giá (i)	36.133.086.387	71.863.529.303
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.142.559.944	-
Tổng	79.820.865.348	118.096.393.523

(i) Theo thỏa thuận liên danh ngày 25/09/2014 về việc thi công gói thầu CW3A - Dự án xây dựng cầu Vàm Cống, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động tài chính phát sinh từ lãi chênh lệch tỷ giá có số tiền là 26.854.467.880 đồng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HIN

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	27.581.988.881	50.673.155.823
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	509.622.244	10.108.466.032
Chi phí tài chính khác	56.252.557	58.985.687
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	476.575.013
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(22.148.209.000)	-
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	597.995.417
Tổng	5.999.654.682	61.915.177.972

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	63.510.071.839	77.014.785.269
Chi phí vật liệu quản lý	238.691.631	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.639.903.921	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.690.942.568	7.596.516.421
Thuế phí và lệ phí	1.526.865.346	-
Chi phí dự phòng	665.221.450	9.044.909.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.464.474.119	91.840.052.337
Chi phí bằng tiền khác	17.355.443.262	-
Tổng	121.091.614.136	185.496.263.949

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	18.246.581.927
Thanh lý, nhượng bán tài sản	252.500.000	1.765.524.821
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	1.920.220.707
Thuế GTGT được xóa nợ	-	3.868.293.302
Các khoản khác	34.535.433.295	14.279.695.714
Tổng	34.787.933.295	40.080.316.471
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản bị phạt	5.866.288.416	14.340.478.202
Các khoản khác	21.732.631.534	6.003.535.228
Tổng	27.598.919.950	20.344.013.430
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	7.189.013.345	19.736.303.041

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN/HN

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.745.500.238	74.916.024.522
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	53.443.985.774	33.252.980.481
Chi phí không được khấu trừ	11.751.575.498	13.235.344.150
Lỗ từ đầu tư liên doanh, liên kết	34.632.175.362	20.017.636.331
Giảm lãi thoái vốn	7.060.234.914	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	30.486.422.025	16.412.289.488
Thu nhập từ nhiệm cổ tức	30.486.422.025	16.412.289.488
Thu nhập chịu thuế	35.703.063.987	91.756.715.515
Thu nhập tính thuế	35.703.063.987	91.756.715.515
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	7.140.612.798	18.351.343.103

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.649.339.891	49.697.184.271
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(4.392.411.449)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.649.339.891	45.304.772.822
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	138	647

Tổng Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.764.800.000

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công cụ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	290.202.341.268	325.685.433.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.518.847.407.822	2.046.494.382.561
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.480.000.000	16.205.000.000
Tổng	1.821.529.749.090	2.388.384.816.122
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	315.220.992.967	612.745.255.194
Phải trả người bán và phải trả khác	1.846.950.904.177	2.088.948.284.087
Chi phí phải trả	71.336.905.871	80.996.443.649
Tổng	2.233.508.803.015	2.782.689.982.930

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu và nhận định rằng chưa có rủi ro về giá cổ phiếu Tổng Công ty đang đầu tư.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B-09-DN/IN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.834.143.754.595	12.807.149.582	1.846.950.904.177
Chi phí phải trả	71.336.905.871	-	71.336.905.871
Các khoản vay	262.349.370.825	52.871.622.142	315.220.992.967
Tổng	2.167.830.031.291	65.678.771.724	2.233.508.803.015
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.073.412.987.904	15.535.296.183	2.088.948.284.087
Chi phí phải trả	80.996.443.649	-	80.996.443.649
Các khoản vay	504.717.047.340	108.028.207.854	612.745.255.194
Tổng	2.659.126.478.893	123.563.504.037	2.782.689.982.930

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	290.202.341.268	-	290.202.341.268
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.499.751.688.173	19.095.719.649	1.518.847.407.822
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.480.000.000	-	12.480.000.000
Tổng	1.802.434.029.441	19.095.719.649	1.821.529.749.090
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	325.685.433.561	-	325.685.433.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.040.316.617.547	6.177.765.014	2.046.494.382.561
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.205.000.000	-	16.205.000.000
Tổng	2.382.207.051.108	6.177.765.014	2.388.384.816.122

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA, Báo cáo kiểm toán độc lập số 265/2017/UHY/ACA-BCKT phát hành ngày 12/04/2017 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phục vụ việc so sánh. Cụ thể:

CHỈ TIÊU BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	MÃ SỐ	Số điều chỉnh Tại ngày 31/12/2016	Số đã báo cáo Tại ngày 31/12/2016	Chênh lệch
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.814.397.598.214	3.814.292.911.214	104.687.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.501.629.596.424	2.501.524.909.424	104.687.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.631.473.783.306	1.631.369.096.306	104.687.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	678.415.677.064	678.520.364.064	(104.687.000)
I - Các khoản phải thu dài hạn	210	6.177.765.014	6.282.452.014	(104.687.000)
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	104.687.000	(104.687.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	4.492.813.275.278	4.492.813.275.278	-
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	3.672.028.757.049	3.672.028.757.049	-
I - Nợ ngắn hạn	310	3.529.881.566.228	3.526.667.897.527	3.213.668.701
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.705.076.621.452	1.701.862.952.751	3.213.668.701
II - Nợ dài hạn	330	142.147.190.821	145.360.859.522	(3.213.668.701)
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	3.213.668.701	(3.213.668.701)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	4.492.813.275.278	4.492.813.275.278	-

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Văn Long

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Thanh